TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Bột

2. Bà Phạm Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; Địa chỉ: huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1980 và ông Hồ Thanh X, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà N1 và bà N2 có mặt. Ông X vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Trước đây bà N1 có làm chủ hụi, vợ chồng bà N2 và ông X có tham gia 04 dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi mở vào ngày 24/12/2019 (ngày 29/11/2019 âm lịch), mỗi phần hụi là 100.000 đồng, loại hụi ngày, dây hụi có 126 phần trong đó bà N2 và ông X tham gia 10 phần và đã lĩnh hụi hết 10 phần. Sau khi lĩnh hụi, bà N2 và ông X đã góp hụi đến kỳ thứ 97 (ngày 30/3/2020) thì ngừng không góp nữa, tính đến mãn hụi (ngày 28/4/2020) thì bà N2 và ông X còn nợ lại 29 kỳ chưa góp (từ ngày 31/3/2020 đến ngày 28/4/2020) với tổng số tiền chưa góp là 29.000.000 đồng (29 kỳ x 100.000 đồng x 10 phần).

Dây hụi mở vào ngày 15/3/2020 (ngày 22/02/2020 âm lịch), mỗi phần hụi là 100.000 đồng, loại hụi ngày, dây hụi có 132 phần trong đó bà N2 và ông X tham gia 05 phần và đã lĩnh hụi hết 05 phần. Sau khi lĩnh hụi, bà N2 và ông X đã góp hụi đến kỳ thứ 21 (ngày 05/4/2020) thì ngừng không góp nữa, tính đến mãn hụi (ngày 25/7/2020) thì bà N2 và ông X còn nợ lại 111 kỳ chưa góp (từ ngày 06/4/2020 đến ngày 25/7/2020) với tổng số tiền chưa góp là 55.500.000 đồng (111 kỳ x 100.000 đồng x 05 phần).

Dây hụi mở vào ngày 20/6/2019 âm lịch, mỗi phần hụi là 3.000.000 đồng, loại hụi tháng (mỗi tháng âm lịch mở hụi 01 lần), dây hụi có 27 phần trong đó bà N2 và ông X tham gia 02 phần và đã lĩnh hụi hết 02 phần. Sau khi lĩnh hụi, bà N2 và ông X đã góp hụi đến kỳ thứ 09 (ngày 20/02/2020 âm lịch) thì ngừng không góp nữa, tính đến mãn hụi (ngày 20/8/2021 âm lịch) thì bà N2 và ông X còn nợ lại 18 kỳ chưa góp (từ ngày 20/3/2020 âm lịch đến ngày 20/8/2021 âm lịch) với tổng số tiền chưa góp là 108.000.000 đồng (18 kỳ x 3.000.000 đồng x 02 phần).

Dây hụi mở vào ngày 25/11/2018 âm lịch, mỗi phần hụi là 10.000.000 đồng, loại hụi 02 tháng mở hụi 01 lần, dây hụi có 27 phần trong đó bà N2 và ông X tham gia 01 phần. Bà N2 và ông X đã góp hụi được 08 kỳ, đến kỳ thứ 09 thì ngừng không góp nữa. Bà N2 và ông X chưa lĩnh hụi đối với dây hụi này, bà N1 và bà N2 thống nhất bà N2 rút khỏi dây hụi này, bà N1 có trách nhiệm trả lại cho bà N2 số tiền hụi là 74.450.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền hụi bà N2 và ông X phải góp cho bà N1 đối với 03 dây hụi đã lĩnh là 192.500.000 đồng, khấu trừ tiền hụi bà N1 phải giao cho bà N2 và ông X đối với dây hụi chưa lĩnh là 74.450.000 đồng thì bà N2 và ông X còn nợ bà N1 là 118.050.000 đồng.

Bà N1 khởi kiện yêu cầu bà N2 và ông X liên đới trả số tiền hụi là 118.050.000 đồng. Bà N1 không yêu cầu trả lãi do chậm trả tiền hụi.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Kim N trình bày: Bà N2 thống nhất có tham gia 04 dây hụi do bà N1 làm chủ hụi, quá trình lĩnh hụi, góp hụi đúng như bà N1 đã trình bày. Bà N2 thống nhất số tiền hụi còn phải góp cho bà N1 là 192.500.000 đồng, khấu trừ tiền hụi bà N1 phải giao cho bà N2 là 74.450.000 đồng thì bà N2 còn nợ bà N1 là 118.050.000 đồng. Trong 03 dây hụi bà N2 đã lĩnh hụi thì có 02 dây hụi chưa mãn hụi, chưa đến kỳ hạn góp hụi nhưng bà N1 và bà N2 đã thống nhất bà N2 rút khỏi các dây hụi và thống nhất khấu trừ tiền hụi giữa các dây hụi nên bà N2 đồng ý trả tiền hụi đối với tất cả những kỳ chưa đến hạn. Qua yêu cầu khởi kiện của bà N1 thì bà N2 đồng ý trả nợ hụi là 118.050.000 đồng, thời điểm trả là khi nào bà N2 bán đất được sẽ trả vì hiện nay bà N2 không có tiền.

Việc tham gia hụi chỉ có bà N2 tham gia và ký nhận nợ với bà N1, ông X không biết và không tham gia hụi cùng bà N2, nợ hụi do bà N2 tự gây ra nên ông X không phải liên đới trả nợ. Tiền lĩnh hụi bà N2 sử dụng để trả nợ những dây hụi khác và trả tiền vay từ những năm trước.

- *Tại phiên tòa:*

Bà Lê Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án. Bà N1 khởi kiện yêu cầu bà N2 và ông X liên đới trả số tiền hụi là 118.050.000 đồng. Bà N1 không yêu cầu bà N2 và ông X trả lãi do chậm trả tiền hụi.

Bà Nguyễn Kim N giữ nguyên lời khai và ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án. Bà N2 đồng ý trả nợ hụi là 118.050.000 đồng, thời điểm trả là khi nào bà N2 bán đất được thì sẽ trả vì hiện nay bà N2 không có tiền. Bà N2 không đồng ý việc bà N1 yêu cầu ông X liên đới trả nợ hụi.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Hồ Thanh X vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X liên đới trả số tiền 118.050.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ quan hệ dân sự là hụi được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hụi" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt ông Hồ Thanh X: Xét thấy ông Hồ Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng ông X vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hồ Thanh X.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị N và bà Nguyễn Kim N đã thống nhất bà N2 có tham gia 04 dây hụi do bà N1 làm chủ hụi, sau khi khấu trừ tiền hụi giữa các dây hụi thì bà N2 có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà N1 tổng cộng là 118.050.000 đồng. Trong tổng số 118.050.000 đồng tiền hụi có một phần chưa đến kỳ góp hụi nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà N1 và bà N2 đã tự nguyện thỏa thuận khấu trừ tiền hụi giữa các dây hụi với nhau và đã chốt số tiền hụi bà N2 còn nợ là 118.050.000 đồng, xét thấy thỏa thuận của bà N1 và bà N2 là hoàn toàn tự nguyện, riêng đối với ông Hồ Thanh X không có nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà N1 đối với số tiền hụi 118.050.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ, bà N1 yêu cầu bà N2 và ông X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N1 số tiền hụi là 118.050.000 đồng. Bà N2 cho rằng chỉ có bà N2 tham gia

hụi và ký nhận nợ với bà N1, riêng ông X không biết và không tham gia hụi cùng bà N2 nên ông X không có trách nhiệm liên đới trả nợ, tuy nhiên bà N2 không trình bày được và không chứng minh được sử dụng tiền hụi vào mục đích gì cụ thể. Xét thấy bà N2 và ông X là vợ chồng hợp pháp, số nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông X biết bà N1 khởi kiện yêu cầu ông X liên đới trả nợ nhưng ông X không có ý kiến phản đối, ngoài ra theo bà N2 trình bày mặc dù không đồng ý đến Tòa án nhưng ông X đồng ý cho bà N2 bán đất để trả nợ cho bà N1 nên có đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của bà N2 và ông X. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần buộc bà N2 và ông X liên đới trả nợ hụi cho bà N1.

Bà Nguyễn Kim N đồng ý trả nợ hụi 118.050.000 đồng nhưng đề nghị thời điểm trả là khi nào bà N2 bán đất được sẽ trả. Xét thấy bà N2 đã lĩnh hụi nên bà N2 phải có nghĩa vụ góp hụi cho chủ hụi theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, quy định về họ, hụi, biêu, phường. Việc bà N2 chậm góp hụi trong nhiều kỳ, bà N1 là chủ hụi phải nộp thay phần của bà N2 đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N1. Do đó, ý kiến và đề nghị của bà N2 về việc kéo dài thời gian trả tiền hụi không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X. Buộc bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền nợ hụi là 118.050.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà Lê Thị N và bà Nguyễn Kim N thống nhất khi tham gia hụi các bên không thỏa thuận việc trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ góp hụi, bà N1 xác định không yêu cầu bà N2 và ông X trả lãi do chậm góp hụi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X có nghĩa vụ trả tiền nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.902.500 đồng (118.050.000 đồng x 5%). Bà Lê Thị N không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 471 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X.

Buộc bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền 118.050.000 đồng (một trăm mười tám triệu năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Kim N và ông Hồ Thanh X có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.902.500 đồng (năm triệu chín trăm hai nghìn năm trăm đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà N1 tiền tạm ứng án phí là 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà N1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003144 ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị N và bà Nguyễn Kim N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Thanh X vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng